



THIỀN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tổ Sư Thiền - Thiền Tông

KHÁI QUÁT VỀ

TỔ SƯ THIỀN

Thiên Là Gì ?



ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

Nói một cách đầy đủ

ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

- Tiếng phạn: Thiền – na → **THIỀN**
- Trung Hoa Dịch: Tĩnh lự → **ĐỊNH**
- Xưa dịch: Tư duy tu → **QUÁN** → **Tuệ**
- Nay dịch: Tĩnh lự → **CHỈ** → **Định**

THIỀN ĐỊNH

**THIỀN =
ĐỊNH TUỆ GỒM TU**

1

ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

2

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Tâm Lặng Mà Sáng Biết.

TÂM = PHẬT = THIỀN, không khác.

- Từ lý thuyết (*lời dạy Phật, Tổ, Thiền sư*) → Đến thực tiễn (*nhận ngay chính mình*),
- Cho thấy: Tâm lặng – Sáng biết → Ngay đó chính là PHẬT ⇔ Cũng gọi là THIỀN.

3

1

ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

2

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Tâm Lặng Mà Sáng Biết.

3

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Đối Cảnh Vô Tâm.

Tổ Đức Dạy

- **Lục Tổ:** Ngoài lìa tướng là Thiền. Trong chằng loạn là định.
- **Sơ Tổ Trúc Lâm:** Đối cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền.



- Trong ngoài vắng bật.
- Đối cảnh không tâm.

4

1

ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

2

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Tâm Lặng Mà Sáng Biết.

3

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Đối Cảnh Vô Tâm.

4

THIỀN LÀ THIỀN – KHÔNG LÀ GÌ CẢ

Mắt hút các tướng → Tất cả hiện tiền

5

- Không loạn - Không định – Bật hai bên – **Mắt hút các tướng → Tâm Thiền hiển hiện.**
- **Ngay đây khéo nhận, không qua ngôn ngữ = THIỀN LÀ THIỀN.**

1

ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

2

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Tâm Lặng Mà Sáng Biết.

3

NGHĨA CHUYÊN SÂU: Đối Cảnh Vô Tâm.

4

THIỆN LÀ THIỀN – KHÔNG LÀ GÌ CẢ

5

TÓM LẠI

1 **Thiền là chỉ cho bản tâm chân thật rất rạo nơi mỗi người.**

2 **Tùy theo diệu dụng, phương tiện giáo hóa mà đặt tên. Nên Thiền còn được gọi là: Đạo, Chân tâm, Phật tánh, Bản lai diện mục, Ông chủ...**

3 **Tu hành hướng đến bản tâm, nhận lại bản tánh, là tu thiền.**

4 **Tổ ngộ tự tánh này là ngộ thiền.**

* TẤT CẢ ĐỒNG VỀ TRONG MỘT TÁNH THỂ

* Tiếng phạn: Thiên – na.

→ THIÊN

* Trung Hoa Dịch: Tĩnh lự.

→ ĐỊNH

**THIÊN
ĐỊNH**

Từ thể tỏ dụng
Theo dụng đặt tên

Nghĩa Căn Bản Phổ Thông

* Xưa dịch: Tư duy tu

→ QUÁN

→ Tuệ

* Nay dịch: Tĩnh lự

→ CHỈ

→ Định

**THIÊN =
ĐỊNH TUỆ
GỒM TU**

Nhằm trên phương
tiện hành trì, đặt tên.

NGHĨA CHUYÊN SÂU

① Tâm lặng mà sáng biết: Quốc sư Phù Vân.

② Đối cảnh vô tâm: Sơ Tổ Trúc Lâm

③ Thiên là thiên: Không là gì cả.

Diệu dụng lưu xuất từ Thể
Ứng cơ, phát cơ dụng



Tổ Sư Thiên

Thiên Tối Thượng Thừa



Thiền sư Tông Mật

“Người đốn ngộ tự tâm xưa nay thanh tịnh, vốn không có phiền não, trí tánh vô lậu sẵn tự đầy đủ, tâm này tức là Phật, cứu cánh không khác, y đây mà tu là THIÊN TỐI THƯỢNG THỪA, Cũng gọi là THIÊN NHƯ LAI THANH TỊNH, cũng gọi là NHẤT HẠNH TAM MUỘI. Đây là căn bản của tất cả tam muội (Samàdhi). Nếu người hay niệm niệm tu tập, tự nhiên dần dần được trăm ngàn tam muội. Môn đệ Tổ Bồ Đề Đạt Ma lần lượt truyền nhau là thiền này”.

*** Chưa Đốn Ngộ Tự Tâm, Tu Thiền Tối Thượng Thừa Như Thế Nào?**

“Người tu tập thiên định không được chấp dụng công, dụng mà không có chỗ dụng, gọi là Thiên thượng thừa”.

Tổ Pháp Loa

* CHÂN THẬT TU THIÊN TỐI THƯỢNG THỪA

- Có dụng công, nhưng không chấp, không có tướng dụng. Đó là **“Tu mà không tu”**,
⇔ Là **“Không chấp dụng công”**.
- Như là không tu, nhưng lại đang công phu miên mật. Là **“Không tu mà đang tu”**,
⇔ Chính là **“Dụng mà không có chỗ dụng”**.
- Đã đúng **“Nguyên lý công phu tu tập Thiên Thượng Thừa - Tổ Sư Thiên”**.

*** Tu trong Vô tu ⇔ Có pháp vẫn không pháp → Tu Thiên Tối Thượng Thừa.**



ĐÃ NGỘ

- Bảo nhậm, sống thẳng tự tâm đã ngộ.
- Tiêu dung tập khí.

CHƯA NGỘ

- Hướng tánh tu tập.
- Không chấp dụng công. Dụng, không chỗ dụng.

KHÔNG PHÁP, CŨNG MỘT PHÁP

- Sống thẳng tự tánh → Có tu.
- Không thành tướng công phu → Không tu.

CÓ PHÁP, VẪN KHÔNG PHÁP

- Dụng công, nhưng không tương dụng: Tu – Vô tu.
- Như không tu, nhưng đang miên mật: Vô tu – Tu.



1 Đốn ngộ tự tâm

- * **Đốn ngộ tự tâm, không qua phương tiện thứ lớp** (*Không pháp cũng là một pháp*).
 - Thiền sư đương cơ khai thị - Hành giả thẳng đó ngộ nhập.
 - Không qua thứ lớp, phương tiện.

2 Nguyên lý dụng công

- * **Dụng công đúng nguyên lý** (*Có pháp vẫn là không pháp*).
 - Hướng tự tánh tu tập.
 - Không chấp dụng công, dụng mà không có chỗ dụng.
 - Tu – Vô tu → Đạt đến vô công dụng hạnh.
 - Cụ thể: Không kẹt trên tướng của phương pháp, tướng dụng công, dấu vết của tâm, không lập phần hạn của tâm, không sở đắc.

1 * CÁC PHÁP THIÊN KHÁC

- Thấy có phương pháp hành trì, có minh tu, có Niết-bàn thủ chứng, có chân lý hiển bày.
- Không bàn đến kiến tánh.

2 * THIÊN TỔ SƯ - THIÊN TÔNG

* **Lục Tổ: “Chỉ luận kiến tánh, không luận thiên định giải thoát”.**

❖ **Nói đến Thiên Tối Thượng Thừa (*Thiên tông, Thiên Tổ sư*) là nói đến ngộ tánh:**

- Ngộ Tánh → Đại ngộ → Triệt ngộ → Chứng ngộ → Hay sanh muôn pháp (*có Giáo pháp*).
- Nhận thẳng cốt tủy của GIÁO PHÁP ⇔ Đồng thời hay vào tất cả GIÁO PHÁP,
- Nhưng không nằm trong GIÁO PHÁP nào cả (*Bất lập văn tự - Giáo ngoại biệt truyền...*).
- *Cơ dụng tùy thời mà không khởi tác dụng. CÓ – KHÔNG chẳng đến kịp, tình giải đều quên.*
- *Lúc nói CÓ mà mảy may chẳng lập. ⇔ Lúc nói KHÔNG thì bâng bạc tợ hư không.*

→ Diệu dụng bất khả tư nghì.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1) Định nghĩa Thiên Tổ Sư (*Thiên Thượng Thừa*).
- 2) Nguyên lý trong phương pháp hành trì của Thiên Tổ Sư như thế nào?
- 3) Thiên Tổ Sư khác với các pháp Thiên khác ở những đặc điểm cơ bản nào?



CÂU HỎI NÂNG CAO

- **Có nhiều pháp thiên và nhiều nghĩa lý, nên tu theo pháp Thiên nào?**

